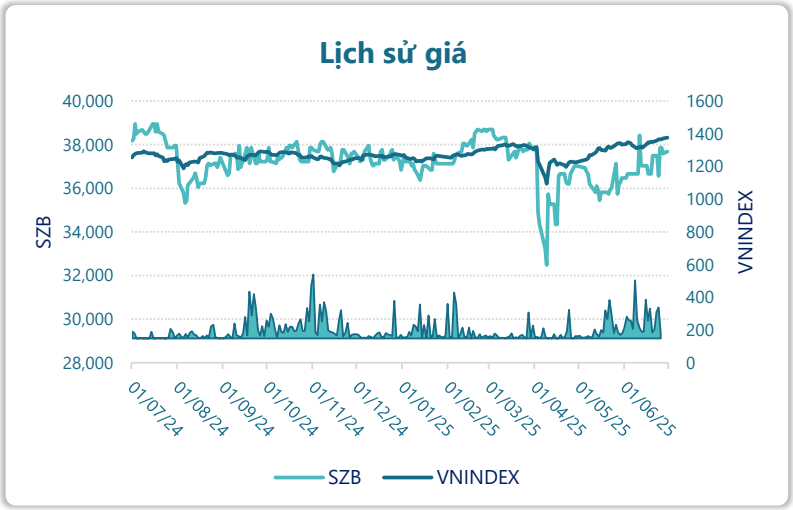
FireAnt

CTCP Sonadezi Long Bình (HNX: SZB)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**40,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,949
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,482
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,535
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,218
P/E	10.0
EPS	4,079

DT thuần

Q2/25

107

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00| 5.5%

YoY: ▼9.00| -8.1%

LN sau thuế

Q2/25

40.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.40| 22.4%

YoY: ▼1.90| -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

48.1%

+/- YoY: ▲ 4.7%

DT thuần

6T 2025

207

tỷ VNĐ

YoY: ▼110| -34.7%

LN sau thuế

6T 2025

73.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼73.8| -50.4%

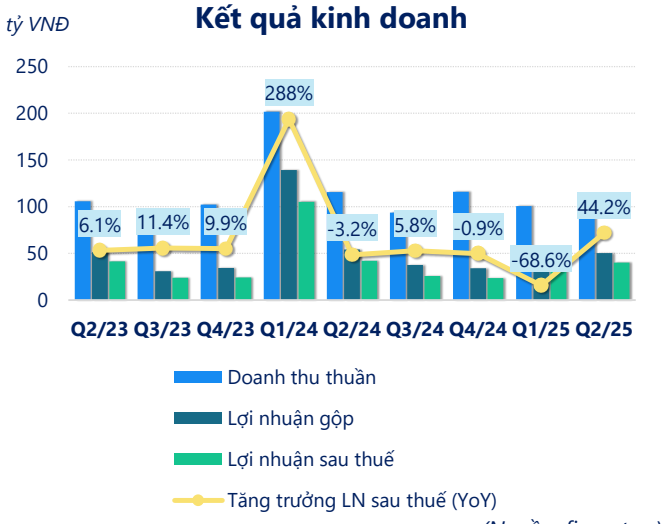
ROE

Q2/25

16.6%

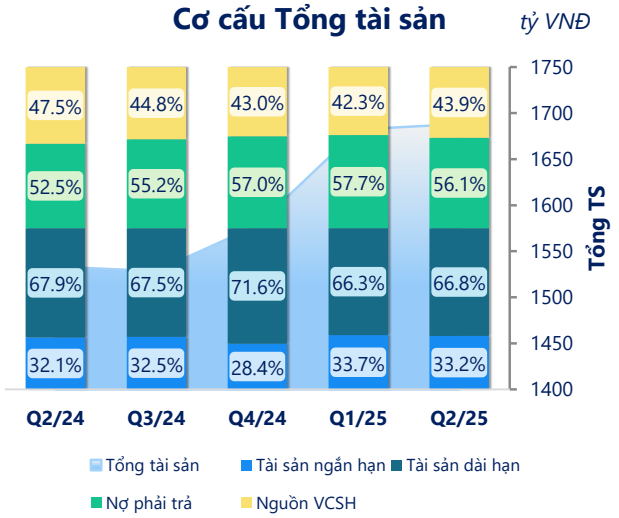
+/- YoY: ▼ 12.1%

Kết quả kinh doanh



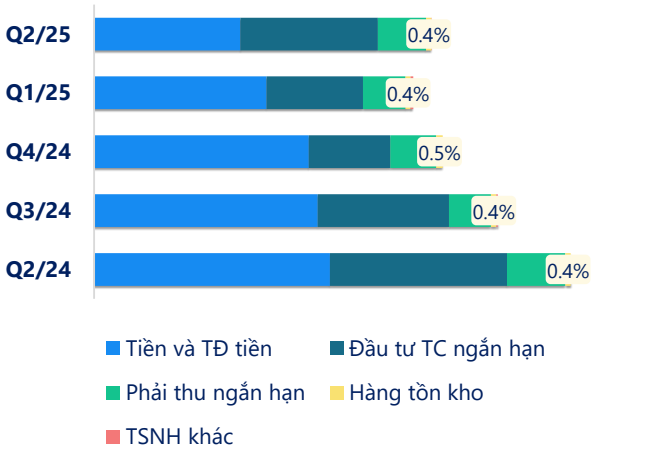
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



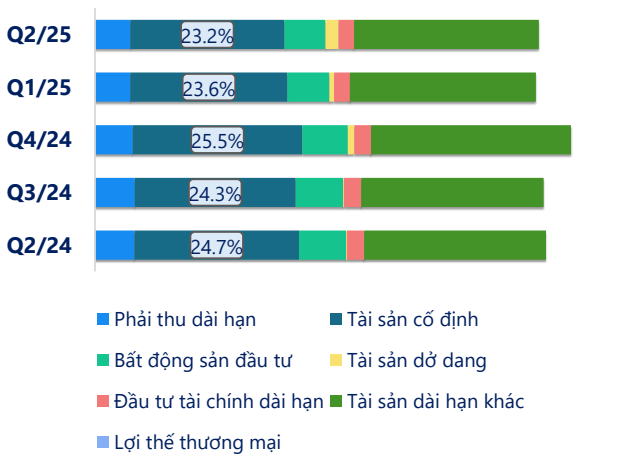
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



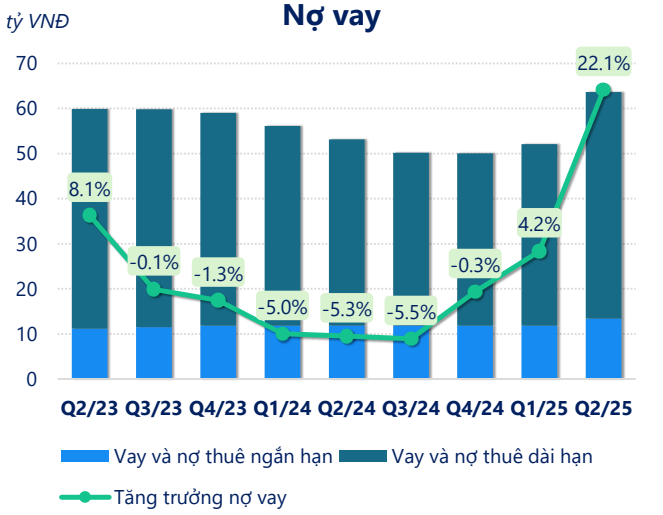
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



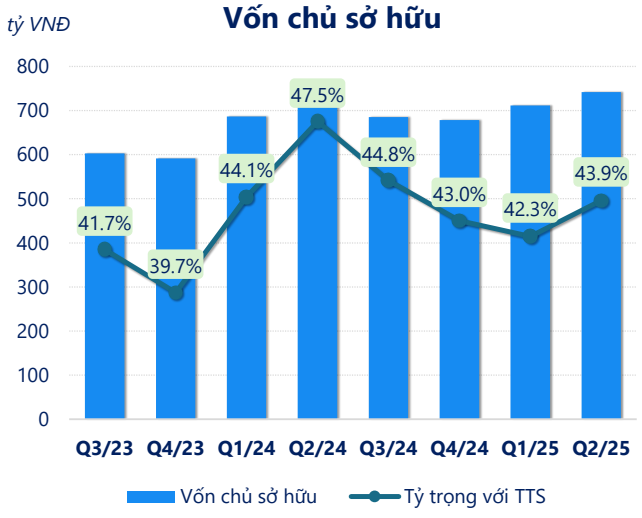
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



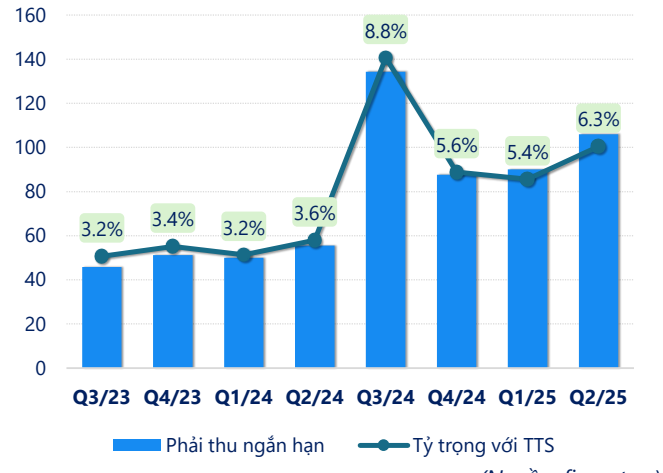
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



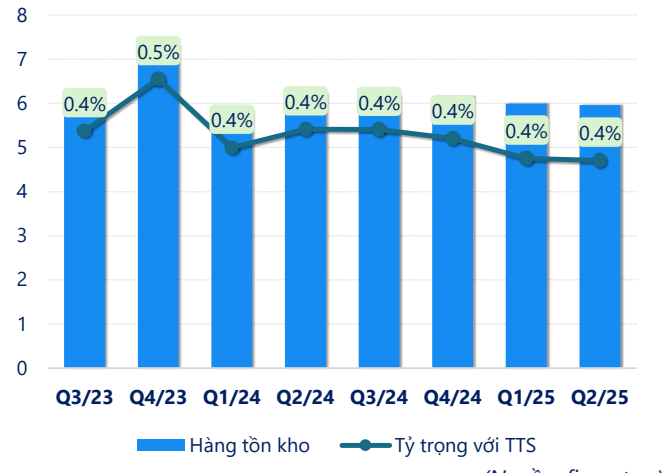
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



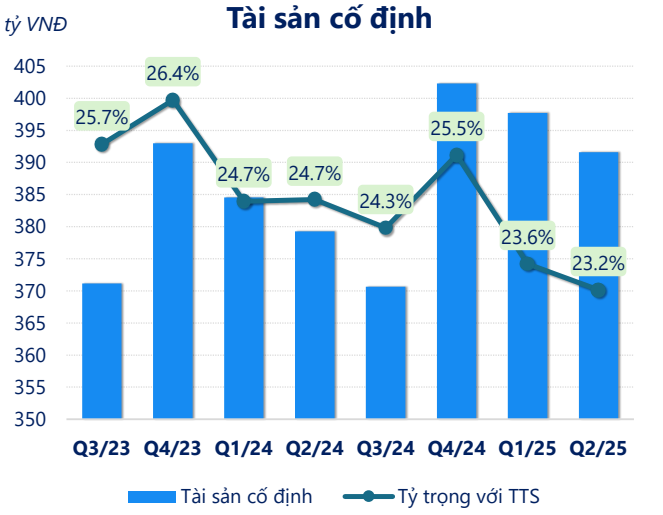
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



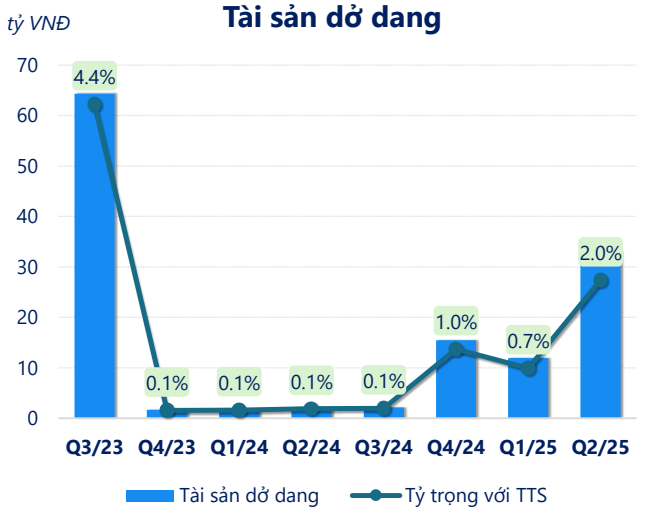
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



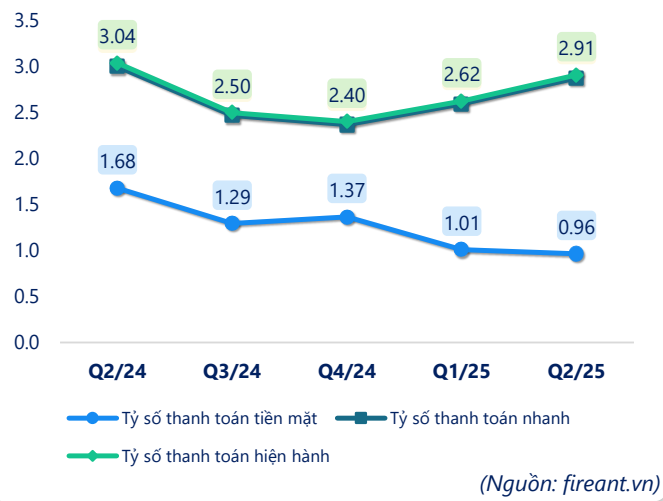
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



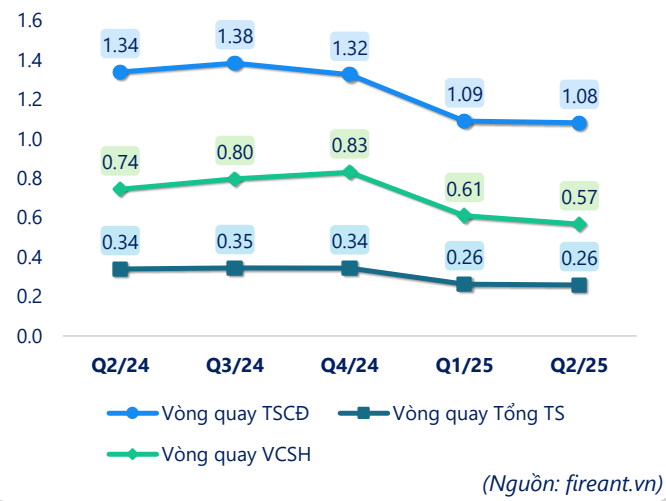
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,533**	**1,528**	**1,578**	**1,682**	**1,688**
Tài sản ngắn hạn	**493**	**497**	**448**	**567**	**561**
Tiền và tương đương tiền	272	257	255	218	186
Đầu tư tài chính ngắn hạn	159	98.5	93.5	253	248
Phải thu ngắn hạn	55.5	134	87.7	90.0	106
Hàng tồn kho	6.23	6.19	6.16	5.99	5.96
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.68	5.72	0	15.2
Tài sản dài hạn	**1,041**	**1,032**	**1,130**	**1,116**	**1,128**
Phải thu dài hạn	91.2	91.2	89.6	89.6	89.6
Tài sản cố định	379	371	402	398	392
Bất động sản đầu tư	109	108	108	106	104
Tài sản dở dang	2.08	2.16	15.5	11.9	33.0
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	40.0	40.0	40.0	40.0
Tài sản dài hạn khác	419	419	474	470	469
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**805**	**843**	**899**	**971**	**947**
Nợ ngắn hạn	**162**	**199**	**187**	**216**	**193**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.8	11.8	11.8	11.8	13.4
Phải trả người bán ngắn hạn	15.2	9.95	52.3	15.0	13.8
Nợ dài hạn	643	644	713	755	754
Vay và nợ thuê dài hạn	41.4	38.4	38.2	40.3	50.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**728**	**685**	**679**	**712**	**742**
Vốn chủ sở hữu	**728**	**685**	**679**	**712**	**742**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)